

Bản án số: **71/2018/HSST**

Ngày: 20/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thị Tám**;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Cao Thị Hồng Minh**

2. Ông **Lý A Hoi**

Thư ký phiên tòa: Bà **Quàng Thị Thu** - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố DB Phủ, tỉnh DB;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố DB Phủ, tỉnh DB tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thắm** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố DB Phủ, tỉnh DB đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số **71/2018/TLST-HS** ngày 03 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: **03/01/1994** tại DB

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Bản X, xã PL, huyện DB, tỉnh DB.

Nghề nghiệp: Sinh viên;

Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Thái;

Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hoá: 12/12 phổ thông;

Tiền án, tiền sự: Không;

Con ông: Lò Văn P và con bà: Tòng Thị V;

Bị cáo có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;

Bị cáo: Chưa có vợ.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/02/2018 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Bà **Trần Thị Ngọc M** - sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường NT, thành phố ĐB, tỉnh ĐB (*Vắng mặt*)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Lò Văn N - sinh năm 1986; Địa chỉ: Bản X, xã PL, huyện ĐB, tỉnh ĐB (*Có mặt*)

“NỘI DUNG VỤ ÁN”:

“Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau”:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 20 giờ 50 phút, ngày 07/02/2018, Lò Văn T điều khiển xe mô tô BKS 27B1 - 147.98 mượn của anh Lò Văn N (anh trai T) đi trên đường Võ Nguyên Giáp theo hướng từ nghĩa trang A1 đi Him Lam, mục đích đi về phòng trọ của mình. T đi đến khu vực đèn báo hiệu giao thông ở quảng trường 07/5, T thấy chị Trần Thị Ngọc M đang một mình điều khiển xe mô tô đi cùng chiều phía trước, phát hiện trong túi áo khoác phía bên phải của chị M để hờ một phần của chiếc điện thoại Iphone 6S plus có vỏ ốp màu đỏ, trị giá 8.825.000 đồng, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại đó. T điều khiển xe mô tô đuổi theo áp sát phía bên phải của chị M, đến trước công cơ quan Thuế tỉnh ĐB thuộc tổ dân phố 14, phường MT, thành phố ĐBP, T nghiêng người dùng tay trái chộp lấy chiếc điện thoại trong túi áo của chị M rồi nhanh chóng tăng ga bỏ chạy. Chị M đuổi theo, T tăng ga điều khiển xe chạy theo đường Võ Nguyên Giáp, rẽ phải vào đường Trường Chinh, đến đoạn đường đôi 13m, T rẽ trái thì chị M không đuổi kịp, T về phòng thuê ở trọ tại tổ dân phố 2, phường NB, thành phố ĐBP. Tại đây T mở máy điện thoại vừa cướp giật được ra, tháo sim cất vào bao để vớt cầu lông, hôm sau T mang điện thoại về nhà tại Bản X, xã PL, huyện ĐB, tỉnh ĐB cất giấu.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lò Văn T khai nhận: Vào khoảng 20 giờ 50 phút, ngày 07/02/2018, trên đường Võ Nguyên Giáp thuộc tổ dân phố 14, phường MT, thành phố ĐBP, Lò Văn T đã sử dụng xe mô tô áp sát người đang tham gia giao thông công khai chiếm đoạt tài sản có trị giá 8.825.000 đồng rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Quá trình điều tra người bị hại chị Trần Thị Ngọc M khai nhận như sau: Vào khoảng 20 giờ 50 phút, ngày 07/02/2018, trên đường Võ Nguyên Giáp thuộc tổ dân phố 14, phường MT, thành phố ĐBP, chị M đang một mình điều khiển xe mô tô và để chiếc điện thoại Iphone 6S plus có vỏ ốp màu đỏ trong túi áo khoác, thì bị T đang điều khiển xe mô tô trên đường và dùng tay giật chiếc điện thoại trong túi áo của chị M. Chiếc điện thoại của chị M có trị giá

8.825.000 đồng. Chị M đã nhận lại được tài sản bị T cướp giật gồm 01 điện thoại Iphone 6S plus kèm sim cùng vỏ ốp màu đỏ và gia đình Toàn đã bồi thường cho chị M 1.000.000 đồng. Chị M có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKSTPĐBP ngày 01 tháng 7 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "**Cướp giật tài sản**" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐB Phủ, tỉnh ĐB giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "**Cướp giật tài sản**" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐB Phủ, tỉnh ĐB đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, khoản 1 khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bP c, o Lò Văn T từ **30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thêi gian thõ th, ch 60 tháng** tñnh tở nguy tuyên án. Giao bP c, o Lò Văn T cho UBND xã PL, huyện ĐB, tỉnh ĐB gi, m s, t gi, o dõc, gia ®×nh bP c, o cũ tr, ch nhiõm phèi hìp vớ UBND xã trong viõc gi, m s, t gi, o dõc bP c, o.

- Áp dụng khoản 2 §iÒu 136 Bế luật tè tång h×nh sù và điểm a khoản 1 §iÒu 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định vÒ ùn phÝ, lÕ phÝ Toµ ùn buéc bị cáo Lò Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

*** Ý kiến của người bị hại bà Trần Thị Ngọc M:** Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đề ngày 11/7/2018, bà M giữ nguyên T bộ lời khai tại cơ quan điều tra và không có thay đổi bổ sung gì, hiện bà M đã nhận lại T bộ tài sản và tiền bồi thường thiệt hại nên bà M không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm. Đồng thời bà M cũng có đơn đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo T được hưởng án treo vì bị cáo T tuổi đời còn quá trẻ, trong quá trình điều tra bị cáo thật thà khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo cũng đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại.

*** Lời nói sau cùng của bị cáo:** Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn T đã nhận thức được hành vi của m×nh lụ sai tr, i, vi phạm pháp luật, thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, bị cáo không tham gia tranh

luận với đại diện Viện Kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

“NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ”:

“Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau”:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố ĐB Phủ, tỉnh ĐB, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố thành phố ĐB Phủ, tỉnh ĐB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 20 giờ 50 phút, ngày 07/02/2018, trên đường Võ Nguyên Giáp thuộc tổ dân phố 14, phường MT, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB, Lò Văn T đã dùng thủ đoạn nguy hiểm, sử dụng xe mô tô áp sát người đang tham gia giao thông công khai chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại Iphone 6S plus có trị giá 8.825.000 đồng rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm để Cướp giật tài sản của bị cáo Lò Văn T là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an T trên địa bàn thành phố ĐB Phủ. Với hành vi trên thì bị cáo Lò Văn T đã phạm vào tội "*Cướp giật tài sản*" quy định tại điểm d khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Điều 171 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào Cướp giật tài sản của người khác thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:...

...d) dùng thủ đoạn nguy hiểm”

Lò Văn T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lò Văn T phạm tội "**Cướp giật tài sản**" theo quy định điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo thì thấy:

Qua phÇn xét hỏi vụ tranh luËn t¹i phi²n to² thÓ hiÖn nguy²n nh©n dÖn ®Ön viÖc b² cáo Lò Văn T ph¹m tói lụ do b¶n th©n b² c, o thiÖu ý thøc rìn luyÖn b¶n th©n, tu dừng phÈm chÊt ®¹o ®øc vụ thiÖu ý thøc trong viÖc chÊp hnh c, c quy ®Þnh cña ph, p luËt; nhÈn thøc ®Êc viÖc lụm cña m×nh lụ vi ph¹m ph, p luËt h×nh sù nhng vẫ có tình thực hiện.

Ngày 07/02/2018, bị cáo Lò Văn T đã thực hiện hành vi Cướp giật điện thoại của chị M. Ngày 09/02/2018 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố ĐBP quyết định khởi tố bị can và bắt tạm giam Lò Văn T về hành vi Cướp giật tài sản.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lò Văn T đã thành khẩn khai báo và tỏ ra biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình gây ra. Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho chị M 1.000.000 đồng để sửa chữa điện thoại. Đồng thời người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Lò Văn T. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lò Văn T không có tình tiết tăng nặng nào.

Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Căn cứ các qui định của pháp luật và xem xét T bộ nội dung của vụ án Hội đồng xét xử xĐt thÊy tuổi đời bị cáo còn quá trẻ, bị cáo có nhân thân tốt có nơi cư trú rõ ràng và bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự. ĐÓ c¶i t¹o, gi÷o dục bÞ c, o trÞ thụnհ ngêi công dân tốt cả Ých cho gia ®×nh vµ x· héi, kh«ng cÇn thiÕt ph¶i cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mµ cho bÞ c, o ®îc hëng ,n treo c¶i tạo trong môi trường xã hội bình thường được sự giám sát theo dõi, giáo dục của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cũng đủ để răn đe giáo dục bị cáo, ®ãng thêi giao bÞ c, o cho gia ®×nh vµ chÝnh quyÒn ®Þa ph¬ng

gị, m s, t, gị, o dộc bP c, o, ® ã còng lụ thÓ hiÕn sù khoan hằng cña § 11 ng ph, p luËt Nhự níc ta ® èi vớ ngêi ph¹m tói theo quy ® Þnh t¹i § iÒu 65 Bế luËt h×nh sù.

Xét về điều kiện thực tế thì thấy rằng bP c, o đang là sinh viên kh«ng cũ nghỒ nghiÕp vụ thu nhËp æn ® Þnh nên không có khả năng thi hành h×nh ph¹t bæ sung. Do vậy H§XX kh«ng p đồng h×nh ph¹t bæ sung lụ ph¹t tiÒn theo kho¶n 5 § iÒu 171 Bế luËt h×nh sù đối với bị cáo Lò Văn T.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Trần Thị Ngọc M đã nhận lại T bộ tài sản bị cướp giật và tiền bồi thường, vì vậy không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết về vấn đề bồi thường gì khác. Do vậy tại phiên tòa hôm nay HĐXX không đề cập giải quyết về vấn đề trách nhiệm dân sự.

[5] Các vấn đề khác: Ngoài ra Cơ quan cảnh sát điều tra còn tạm giữ của T 01 xe mô tô biển kiểm soát 27B1 - 147.98 T dùng vào việc phạm tội; 01 mũ bảo hiểm Index; 01 đôi giày giả da màu đen; 01 chiếc áo dân quân tự vệ; 01 quần bò màu xanh và số tiền 1.500.000 đồng. Xe mô tô của anh Lò Văn Nhất, anh Nhất không biết T dùng vào việc phạm tội, các tài sản khác của T không dùng vào mục đích phạm tội, không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu bà Hoàng Thị Đào - người được bị cáo ủy quyền. Do vậy tại phiên tòa hôm nay không đặt vấn đề xử lý.

[6] Về án phí: Bị cáo Lò Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 § iÒu 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lò Văn T** phạm tội “**Cướp giật tài sản**”

2. **Về hình phạt:** Áp dụng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lò Văn T 36 (ba mươi sáu) th, ng tĩ nhưng cho h-
ëng, n treo**. Thêi gian thõ th, ch 60 tháng tÝnh tở nguy tuyªn, n s-
thÈm (20/7/2018). Giao bP c, o Lò Văn T cho UBND xã PL, huyện
ĐB, tỉnh ĐB gị, m s, t gị, o dộc, gia ® ×nh bP c, o cũ tr, ch nhiÕm
phêi híp vớ UBND xã PL, huyện ĐB, tỉnh ĐB trong viÖc gị, m s, t gị, o
dộc bP c, o.

p đồng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự. Tr¶ tù do ngay t¹i
phiªn t¶a cho bP c, o Lò Văn T nÕu bP c, o kh«ng bP giam vÒ tói
ph¹m kh, c.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú (theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự) trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 **Điều 136** Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

5. Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/7/2018). Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTPĐBP;
- Công an TPĐBP;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Tám

